DANH SÁCH HỌC SINH DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10, NĂM HỌC 2021-2022

Đơn vị: Trường THPT Phan Đình Phùng - Huyện Krông Pắc.

Stt	Họ	GT	Ngày sinh	HK6	HL6	HK7	HL7	HK8	HL8	HK9	HL9	Ưu tiên	Điểm HL,HK	Điểm UT	ĐTB	Toán	Văn	AV	Điểm XT	Ghi chú
1	TRẦN HOÀNG VŨ	Nam	18/04/2006	T	G	T	G	T	G	T	G	3	40.0	1.0	8.5	8.6	8.3	7.6	41.0	
2	DƯƠNG PHAN ANH DŨNG	Nam	28/02/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		9.0	9.2	8.6	9.3	40.0	
3	PHAN THỊ NGA	Nữ	05/01/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		9.0	8.7	8.7	9.0	40.0	
4	NGUYỄN ĐÌNH AN	Nam	22/06/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.9	8.3	8.7	8.9	40.0	
5	NGUYỄN MAI UYÊN	Nữ	19/09/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.8	8.7	8.3	9.7	40.0	
6	LÊ CHU THIỆN	Nữ	02/01/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.8	9.2	8.5	8.5	40.0	
7	TRẦN HÀ GIANG	Nữ	10/09/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.7	9.5	7.6	9.4	40.0	
8	HOÀNG KHÁNH LINH	Nữ	16/07/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.7	8.9	7.7	9.6	40.0	
9	NGUYỄN ANH ĐỨC	Nam	10/06/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.6	9.0	8.5	9.3	40.0	
10	NGUYỄN HOÀNG ĐẠT	Nam	10/10/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.6	8.3	8.9	9.1	40.0	
11	LÊ THỊ HÀ LINH	Nữ	18/01/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.6	8.3	7.7	9.8	40.0	
12	PHAN THỊ HOÀNG YẾN	Nữ	12/06/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.6	8.5	7.7	8.7	40.0	
13	NGUYỄN THU LINH	Nữ	23/06/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.6	8.0	7.8	8.6	40.0	
14	LÊ THỊ DUYÊN	Nữ	21/01/2006	T	K	T	G	T	G	T	G	3	39.0	1.0	8.5	8.2	8.7	9.6	40.0	
15	ĐẶNG THỊ THÙY TRÂM	Nữ	04/05/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.5	8.4	8.2	8.8	40.0	
16	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	24/06/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.4	8.0	8.2	9.6	40.0	
17	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	Nữ	24/12/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.3	8.5	8.6	8.5	40.0	
18	TRƯƠNG THỊ TRÀ MY	Nữ	06/02/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.2	9.1	8.1	8.1	40.0	
19	LÊ NGỌC THANH TRÚC	Nữ	05/12/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.2	7.8	8.4	9.0	40.0	
20	TRƯƠNG VĂN KHẢI	Nam	31/01/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.2	8.6	7.5	8.8	40.0	
21	NGUYỄN VĂN TOÁN	Nam	19/02/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.2	7.7	7.6	8.1	40.0	
22	VÕ THỊ HỒNG GẤM	Nữ	16/01/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.1	8.5	8.0	8.3	40.0	
23	NGUYỄN VÕ MINH ĐỨC	Nam	09/02/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.1	8.7	8.0	7.9	40.0	
24	NGUYỄN THANH BÌNH	Nam	14/05/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.1	8.2	7.2	8.2	40.0	
25	NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG	Nam	26/06/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.0	9.0	7.0	9.2	40.0	
26	LƯU THỊ KIỀU	Nữ	14/04/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.0	7.7	8.2	8.2	40.0	
27	VŨ PHAN	Nam	03/11/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.0	8.4	8.1	7.2	40.0	
28	NGUYỄN NGỌC SANG	Nam	20/09/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.0	7.6	8.3	7.7	40.0	
29	ĐỖ THỊ KIM ANH	Nữ	07/03/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.0	8.3	8.0	6.9	40.0	
30	TRẦN NGUYỄN ĐỨC PHÚ	Nam	26/05/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.0	7.1	7.6	8.4	40.0	
31	HOÀNG KIM CHI	Nữ	16/10/2006	T	G	T	G	T	G	T	G		40.0		8.0	7.3	7.3	8.4	40.0	
32	BÙI KHẮC THIỆN	Nam	21/08/2006	T	G	T	K	T	G	T	G		39.0		8.5	8.9	8.0	8.3	39.0	
33	PHẠM THẾ BẢO	Nam	19/09/2006	T	G	T	K	T	G	T	G		39.0		8.5	8.2	7.9	8.7	39.0	
34	TRẦN THỊ DUYÊN	Nữ	07/03/2006	T	G	T	K	T	G	T	G		39.0		8.3	8.4	8.3	8.3	39.0	
35	LÊ THỊ NIÊN	Nữ	13/08/2006	T	K	T	K	T	G	T	G	3	38.0	1.0	8.3	8.0	8.2	8.2	39.0	

Stt	Họ	GT	Ngày sinh	HK6	HL6	HK7	HL7	HK8	HL8	HK9	HL9	Ưu tiên	Điểm HL,HK	Điểm UT	ĐTB	Toán	Văn	AV	Điểm XT	Ghi chú
36	LÊ THỊ MỸ HẠNH	Nữ	06/05/2006	T	G	T	G	T	K	T	G		39.0		8.3	8.0	7.7	8.2	39.0	
37	LÊ XUÂN HUY	Nam	08/03/2006	T	G	T	K	T	G	T	G		39.0		8.2	8.4	8.5	8.5	39.0	
38	NGUYỄN THỊ THÙY	Nữ	07/09/2006	T	G	T	G	T	K	T	G		39.0		8.2	7.1	8.3	8.3	39.0	
39	LỘ TRÚC VY	Nữ	05/09/2006	T	K	T	G	T	G	T	G		39.0		8.2	8.8	7.4	6.8	39.0	
40	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	20/01/2006	T	G	T	G	T	K	T	G		39.0		8.1	7.6	7.7	8.2	39.0	
41	BÙI TRẦN GIA BẢO	Nam	20/07/2006	T	K	T	K	T	G	T	G	3	38.0	1.0	8.1	6.6	7.4	8.5	39.0	
42	LÊ PHẠM NHƯ QUỲNH	Nữ	23/05/2006	T	G	T	G	T	K	T	G		39.0		8.0	6.9	8.0	6.8	39.0	
43	TRẦN THỊ MAI LINH	Nữ	07/11/2006	T	G	T	G	T	G	T	K		39.0		7.9	7.2	7.3	7.9	39.0	
44	HOÀNG THỊ THÙY VÂN	Nữ	02/03/2006	T	G	T	G	T	K	T	K	3	38.0	1.0	7.8	7.4	8.9	7.1	39.0	
45	PHAN THỊ TRÀ VY	Nữ	22/10/2006	T	G	T	G	T	G	T	K		39.0		7.8	8.1	7.8	7.2	39.0	
46	NGÔ THỊ HÀ VI	Nữ	28/07/2006	T	G	T	G	T	G	T	K		39.0		7.8	7.0	7.6	8.1	39.0	
47	TRỊNH KIM CHI	Nữ	14/03/2006	T	K	T	K	T	G	T	G		38.0		8.4	9.2	7.8	8.3	38.0	
48	NGUYỄN QUÝ TRỌNG	Nam	19/06/2006	T	K	T	K	T	G	T	G		38.0		8.2	8.8	8.6	7.0	38.0	
49	HOÀNG THỊ DIỆP	Nữ	03/11/2006	T	K	T	K	T	K	T	G	3	37.0	1.0	8.2	7.2	8.3	6.9	38.0	
50	NGUYỄN THỊ TUYẾT	Nữ	20/06/2006	T	K	T	G	T	K	T	G		38.0		8.1	8.2	8.5	8.5	38.0	
51	HOÀNG THỊ HÀO	Nữ	08/08/2006	T	K	T	K	T	K	T	G	3	37.0	1.0	8.1	7.3	8.1	8.5	38.0	
52	H' CHUC BYĂ	Nữ	24/01/2006	T	K	T	K	T	K	T	G	3	37.0	1.0	8.1	8.1	7.9	6.8	38.0	
53	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	12/09/2006	T	G	T	K	T	K	T	G		38.0		8.1	8.0	7.3	7.4	38.0	
54	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	09/03/2006	T	K	T	G	T	K	T	G		38.0		8.0	8.0	8.0	8.0	38.0	
55	PHAN THỊ THU NGÂN	Nữ	16/07/2006	T	K	T	G	T	K	T	G		38.0		8.0	7.2	8.5	7.7	38.0	
56	NGUYỄN THANH NHÀN	Nữ	26/12/2006	T	K	T	G	T	K	T	G		38.0		8.0	7.2	8.6	7.1	38.0	
57	CAM THỊ LUYẾN	Nữ	23/10/2006	T	K	T	G	T	K	T	K	3	37.0	1.0	8.0	6.9	7.4	7.6	38.0	
58	ĐỖ NGỌC LINH	Nữ	30/12/2006	T	G	T	G	T	K	T	K		38.0		7.9	8.3	8.2	8.2	38.0	
59	TRƯƠNG THỊ HUYỀN	Nữ	14/04/2006	T	K	T	G	T	K	T	K	3	37.0	1.0	7.9	6.3	8.6	7.4	38.0	
60	ĐẶNG THỊ MAI ANH	Nữ	04/01/2006	T	G	T	K	T	G	T	K		38.0		7.9	6.9	7.8	7.5	38.0	
61	HUỲNH THỊ THÚY HIỀN	Nữ	26/10/2006	T	G	T	K	T	G	T	K		38.0		7.8	8.3	8.1	7.8	38.0	
62	LƯƠNG QUỐC LỢI	Nam	23/05/2006	T	K	T	G	T	K	T	K	3	37.0	1.0	7.8	7.3	8.3	6.9	38.0	
63	H' NHER - NIÊ	Nữ	01/01/2006	T	K	T	G	T	K	T	K	3	37.0	1.0	6.9	6.1	7.6	5.9	38.0	
64	NGUYỄN VĂN DŨNG	Nam	02/02/2006	T	K	T	K	T	K	T	G		37.0		8.5	7.6	9.0	7.2	37.0	
65	NGUYỄN THỊ THẢO VY	Nữ	26/09/2006	T	K	T	K	T	K	T	G		37.0		8.3	8.0	8.6	7.3	37.0	
66	NGUYỄN VĂN HIẾU	Nam	08/06/2006	T	K	T	K	T	K	T	G		37.0		8.1	9.3	7.5	7.8	37.0	
67	TRẦN THỊ HIỀN	Nữ	12/02/2006	T	G	T	K	K	K	T	G		37.0		8.1	7.9	7.7	8.9	37.0	
68	TRẦN KHÁNH LINH	Nữ	14/02/2006	T	K	T	K	T	K	T	G		37.0		8.1	7.5	7.5	8.7	37.0	
69	PHAN CƯỜNG QUỐC	Nam	29/05/2006	T	K	T	K	T	K	T	G		37.0		8.1	8.8	7.5	7.0	37.0	
70	PHẠM THỊ HẰNG	Nữ	25/10/2006	T	K	T	K	T	K	T	G		37.0		8.0	6.6	8.0	8.8	37.0	
71	DƯƠNG KIM QUÂN	Nam	02/03/2006	T	K	T	K	T	K	T	G		37.0		8.0	8.0	7.7	7.5	37.0	
72	ĐẬU THỊ HUYỀN	Nữ	15/10/2006	T	K	T	K	T	K	T	G		37.0		8.0	7.1	8.6	7.1	37.0	

Stt	Họ	GT	Ngày sinh	HK6	HL6	HK7	HL7	HK8	HL8	HK9	HL9	Ưu tiên	Điểm HL,HK	Điểm UT	ĐTB	Toán	Văn	AV	Điểm XT	Ghi chú
73	ĐOÀN HOÀNG ANH	Nam	10/03/2006	T	K	T	K	T	K	T	G		37.0		8.0	8.3	7.3	6.8	37.0	
74	VÕ THỊ LAN ANH	Nữ	22/02/2006	T	K	T	K	T	G	T	K		37.0		7.9	7.3	6.6	7.9	37.0	
75	BÙI THỊ HƯƠNG TRÀ	Nữ	18/01/2006	T	G	T	K	T	K	T	K		37.0		7.8	7.7	7.8	8.1	37.0	
76	LA THỊ NGỌC ANH	Nữ	28/09/2006	T	K	T	G	T	K	T	K		37.0		7.7	7.2	8.5	7.9	37.0	
77	NGUYỄN THÀNH PHÁT	Nam	16/06/2006	T	K	T	K	T	G	T	K		37.0		7.7	8.5	6.9	7.1	37.0	
78	NGUYỄN NGỌC TRÂM	Nữ	06/10/2006	T	K	T	K	T	G	T	K		37.0		7.7	7.6	7.3	7.4	37.0	
79	BÙI TRẦN NHƯ PHƯỢNG	Nữ	27/11/2006	T	K	T	G	T	K	T	K		37.0		7.7	7.2	7.5	6.9	37.0	
80	LONG THỊ TRANG	Nữ	20/11/2006	T	K	T	K	T	K	T	K	3	36.0	1.0	7.7	6.4	8.0	6.8	37.0	
81	GIÁP LINH HƯƠNG	Nữ	11/12/2006	T	K	T	K	T	K	T	K	3	36.0	1.0	7.6	6.1	8.1	7.8	37.0	
82	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	28/04/2006	T	G	T	K	T	K	T	K		37.0		7.6	6.3	8.3	7.1	37.0	
83	HOÀNG THỊ THÙY	Nữ	01/01/2006	T	K	T	K	T	G	T	K		37.0		7.6	6.8	8.4	6.3	37.0	
84	VÕ QUỐC ĐẠT	Nam	07/09/2006	T	G	T	K	T	K	T	K		37.0		7.5	7.8	7.0	7.6	37.0	
85	NGUYỄN NHẬT MINH	Nam	26/08/2006	T	K	T	G	T	K	T	K		37.0		7.5	7.7	6.8	6.5	37.0	
86	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	Nữ	14/10/2006	T	K	T	G	T	K	T	K		37.0		7.5	6.4	8.3	5.8	37.0	
87	NÔNG HUY HOÀNG	Nam	20/02/2006	T	K	T	K	T	K	T	K	3	36.0	1.0	7.5	7.8	6.7	6.0	37.0	
88	NÔNG THỊ THANH TUYỀN	Nữ	02/02/2006	T	K	T	K	T	K	T	K	3	36.0	1.0	7.4	6.9	7.0	7.7	37.0	
89	CHÁNG MÍ KẺ	Nam	16/08/2001	T	K	T	K	T	K	T	K	3	36.0	1.0	7.3	6.8	8.0	7.9	37.0	
90	ĐOÀN HỒNG QUÂN	Nam	31/01/2006	T	G	T	K	T	K	T	K		37.0		7.3	6.7	6.8	8.0	37.0	
91	LÊ BÁ DŨNG	Nam	05/06/2006	T	G	T	K	T	K	T	K		37.0		7.2	7.9	6.4	7.6	37.0	
92	TÔN ANH KIỆT	Nam	07/03/2006	T	G	T	K	T	K	T	K		37.0		7.2	6.9	7.2	7.5	37.0	
93	TRẦN VĂN GIANG	Nam	14/01/2006	T	K	T	K	T	K	T	K	3	36.0	1.0	7.2	6.9	6.1	8.3	37.0	
94	NGUYỄN THỊ THÚY	Nữ	22/02/2006	T	K	T	G	T	K	T	K		37.0		7.2	6.1	8.1	5.7	37.0	
95	H RE CHOI NIÊ KDĂM	Nữ	27/09/2006	T	K	T	K	T	K	T	K	3	36.0	1.0	7.2	5.6	7.5	6.5	37.0	
96	TƠ ANH TUẤN	Nam	09/07/2006	T	K	T	K	T	K	T	K	3	36.0	1.0	7.1	6.5	6.8	7.9	37.0	
97	LÝ VĂN ĐOÀN	Nam	09/01/2006	T	K	T	K	T	K	T	K	3	36.0	1.0	7.1	5.8	6.8	7.8	37.0	
98	HOÀNG TRỌNG LỰC	Nam	06/05/2006	T	K	T	K	T	K	T	K	3	36.0	1.0	7.0	6.9	5.6	7.0	37.0	
99	NGÔ THỊ THANH TÂM	Nữ	27/08/2006	T	K	T	G	T	K	T	K		37.0		6.8	6.1	7.5	6.0	37.0	
100	PHÙNG KHÁNH VY	Nữ	14/06/2006	T	K	T	G	T	K	T	K		37.0		6.8	5.3	7.8	6.3	37.0	
101	TƠ THỊ YẾN NHI	Nữ	08/01/2006	T	K	T	K	T	K	T	K	3	36.0	1.0	6.8	6.0	7.0	6.2	37.0	
102	HOÀNG THÙY TÂM	Nữ	26/09/2006	T	K	T	K	T	K	T	K	3	36.0	1.0	6.8	6.7	6.6	5.5	37.0	
103	VI THỊ ĐỨC	Nữ	26/01/2006	T	K	T	K	T	K	T	K	3	36.0	1.0	6.8	5.4	7.6	5.2	37.0	
104	VI THỊ DUYÊN	Nữ	02/01/2006	T	K	T	K	T	K	T	K	3	36.0	1.0	6.7	5.6	7.2	5.1	37.0	
105	DƯƠNG THỊ THÙY TRINH	Nữ	22/08/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.9	7.5	6.7	7.8	36.0	
106	TẠ QUANG NGUYÊN	Nam	14/04/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.9	7.6	6.8	7.4	36.0	
107	TRẦN THỊ MINH THÀNH	Nữ	22/10/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.9	7.1	7.6	7.0	36.0	
108	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	02/04/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.9	8.1	7.3	6.3	36.0	
109	HOÀNG THỊ HOÀI LINH	Nữ	21/08/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.8	7.0	8.5	6.5	36.0	

Stt	Họ	GT	Ngày sinh	HK6	HL6	HK7	HL7	HK8	HL8	HK9	HL9	Ưu tiên	Điểm HL,HK	Điểm UT	ĐTB	Toán	Văn	AV	Điểm XT	Ghi chú
110	PHẠM HỒNG KHÁNH	Nam	04/03/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.7	8.5	7.7	7.0	36.0	
111	VÕ THỊ THANH DUNG	Nữ	21/02/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.7	7.3	7.1	8.6	36.0	
112	PHAN QUANG TRUNG	Nam	05/09/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.7	7.7	7.0	8.2	36.0	
113	ĐẶNG ĐÌNH THÀNH	Nam	08/02/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.7	7.4	6.8	6.9	36.0	
114	NGUYỄN CÔNG HOÀN	Nam	08/05/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.7	7.3	7.1	6.7	36.0	
115	TRƯƠNG TRẦN HOÀNG HẠNH	Nữ	20/10/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.6	7.7	7.6	8.3	36.0	
116	TRẦN THỊ THỦY	Nữ	13/04/2006	T	K	K	K	T	K	T	K	3	35.0	1.0	7.6	6.7	8.0	8.0	36.0	
117	ĐOÀN QUỐC AN KHANG	Nam	23/02/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.6	7.8	7.5	5.7	36.0	
118	NGUYỄN HOÀNG	Nam	25/05/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.6	7.1	7.0	6.7	36.0	
119	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRÂM	Nữ	07/06/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.6	6.0	7.7	6.4	36.0	
120	ĐỖ VĂN TIẾN	Nam	06/04/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.5	8.1	7.1	7.5	36.0	
121	TRẦN CÔNG HOÀNG	Nam	15/12/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.5	7.0	7.0	8.6	36.0	
122	HOÀNG NGUYÊN	Nam	22/11/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.5	8.4	6.8	6.8	36.0	
123	PHẠM MINH TÂM	Nữ	29/10/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.5	7.9	7.5	6.1	36.0	
124	TRẦN THỊ TRÀ MY	Nữ	20/05/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.5	6.5	7.4	6.6	36.0	
125	ĐẶNG THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	02/11/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.5	6.4	7.0	6.6	36.0	
126	NGÔ THỊ DUYÊN	Nữ	02/11/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.4	7.2	8.2	6.7	36.0	
127	DƯƠNG THỊ THANH	Nữ	29/04/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.4	7.0	6.8	8.0	36.0	
128	NGUYỄN THỊ CẨM VY	Nữ	06/02/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.4	7.0	7.6	6.5	36.0	
129	NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG	Nam	19/02/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.4	6.9	5.1	8.8	36.0	
130	MAI CÔNG DUY	Nam	12/12/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.3	7.6	7.0	7.6	36.0	
131	PHẠM TUẤN KIỆT	Nam	18/08/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.3	6.2	6.8	9.0	36.0	
132	ĐỖ THỊ HUYỀN	Nữ	27/12/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.3	6.1	8.4	7.4	36.0	
133	NGÔ THỊ THÚY	Nữ	14/11/2005	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.3	7.3	7.1	7.3	36.0	
134	ĐẶNG DƯƠNG ANH KIỆT	Nam	25/08/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.3	6.7	7.0	7.8	36.0	
135	PHẠM MINH THÚY	Nữ	15/04/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.3	6.6	7.7	7.1	36.0	
136	VÕ TIẾN Ý	Nam	17/05/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.3	7.8	6.4	7.0	36.0	
137	NGUYỄN MẠNH HOÀNG	Nam	01/02/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.3	6.8	6.9	6.1	36.0	
138	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	12/09/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.3	6.6	6.7	5.5	36.0	
139	NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	Nữ	17/04/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.2	7.4	7.4	8.1	36.0	
140	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	Nam	15/02/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.2	7.2	7.0	7.1	36.0	
141	NGUYỄN CÔNG HẢI HOÀNG	Nam	16/04/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.2	7.1	7.0	6.8	36.0	
142	NGUYỄN TIẾN VINH	Nam	07/10/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.2	7.1	7.3	6.2	36.0	
143	NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯỢNG	Nữ	20/02/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.2	6.8	7.2	6.3	36.0	
144	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	03/10/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.2	5.7	7.1	6.5	36.0	
145	NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	29/10/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.1	6.9	6.3	7.4	36.0	
146	HOÀNG MY NA	Nữ	31/10/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.1	5.9	7.4	6.9	36.0	

Stt	Họ	GT	Ngày sinh	HK6	HL6	HK7	HL7	HK8	HL8	HK9	HL9	Ưu tiên	Điểm HL,HK	Điểm UT	ĐTB	Toán	Văn	AV	Điểm XT	Ghi chú
147	TRẦN THỊ NHẬT QUỲNH	Nữ	15/10/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.1	7.2	7.6	5.1	36.0	
148	NGUYỄN NGỌC HẠ QUYÊN	Nữ	06/02/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.0	7.2	7.3	5.9	36.0	
149	NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH	Nữ	27/09/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.0	6.0	7.7	5.8	36.0	
150	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	27/03/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.0	6.3	6.7	6.5	36.0	
151	ĐÀO THỊ TRÀ MY	Nữ	25/08/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.0	5.7	6.6	6.8	36.0	
152	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	16/03/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.0	6.0	6.4	6.6	36.0	
153	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	13/05/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.0	5.3	7.8	5.5	36.0	
154	NGUYỄN TRÚC PHƯƠNG	Nữ	10/07/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		7.0	5.2	6.8	6.1	36.0	
155	LÊ THỊ THANH HƯƠNG	Nữ	19/01/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		6.9	6.9	7.4	7.5	36.0	
156	LÊ THỊ MAI HUYỀN	Nữ	10/12/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		6.9	6.8	7.0	7.5	36.0	
157	CHU TRỌNG HOÀN	Nam	19/03/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		6.9	6.9	6.3	7.3	36.0	
158	NGUYỄN VĂN ANH	Nam	11/05/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		6.9	7.1	6.7	6.2	36.0	
159	NGUYỄN ĐÌNH LÂM NGUYÊN	Nam	21/06/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		6.9	6.8	6.8	6.1	36.0	
160	NGUYỄN NGỌC NHẬT KHUYÊN	Nữ	23/03/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		6.9	5.5	7.1	7.0	36.0	
161	PHẠM THỊ HẠNH	Nữ	10/06/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		6.9	6.9	6.8	5.8	36.0	
162	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	Nữ	02/06/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		6.8	6.2	7.5	7.5	36.0	
163	NGUYỄN LỆ QUYÊN	Nữ	30/10/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		6.8	6.9	6.6	6.0	36.0	
164	NGUYỄN XUÂN DŨNG	Nam	10/09/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		6.8	6.5	7.0	5.5	36.0	
165	TRẦN THỊ HIỀN	Nữ	18/05/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		6.8	6.4	7.1	5.2	36.0	
166	NGUYỄN HUY GIA BẢO	Nam	29/01/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		6.8	6.2	6.5	5.9	36.0	
167	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	18/07/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		6.7	6.8	6.1	5.9	36.0	
168	DƯƠNG THỊ BÍCH LOAN	Nữ	03/08/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		6.7	6.0	6.6	6.0	36.0	
169	NGUYỄN XUÂN HẢI	Nam	04/05/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		6.7	5.7	6.1	6.6	36.0	
170	NGUYỄN THỊ THÚY	Nữ	27/03/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		6.6	5.5	6.8	6.8	36.0	
171	NGÔ ĐỨC SƠN	Nam	27/01/2006	T	K	T	K	T	K	T	K		36.0		6.5	6.2	6.5	6.6	36.0	
172	NGUYỄN BẠCH TRƯƠNG XUÂN KHÁNH	Nam	15/05/2006	T	TB	T	K	T	K	T	G		35.0		8.0	8.4	7.0	8.3	35.0	
173	H' LING NIÊ	Nữ	01/07/2006	T	TB	T	K	T	K	T	K	3	34.0	1.0	7.7	8.2	6.6	6.4	35.0	
174	LÊ PHẠM KIM SINH	Nữ	18/04/2006	T	K	T	K	K	K	T	K		35.0		7.7	6.6	7.1	7.3	35.0	
175	Y THUẬN BYĂ	Nam	29/06/2006	T	TB	T	K	T	K	T	K	3	34.0	1.0	7.7	6.6	7.4	6.8	35.0	
176	LÝ THỊ HƯỞNG	Nữ	12/09/2006	T	TB	T	K	T	K	T	K	3	34.0	1.0	7.5	6.7	6.7	8.5	35.0	
177	H' GLUYN BYĂ	Nữ	24/05/2006	T	TB	T	K	T	K	T	K	3	34.0	1.0	7.5	5.9	6.9	6.5	35.0	
178	H: LUÊNG NIÊ	Nữ	12/12/2005	T	TB	T	K	T	K	T	K	3	34.0	1.0	7.4	8.2	6.1	6.0	35.0	
179	H' KUÊN - BYĂ	Nữ	14/10/2006	T	TB	T	K	T	K	T	K	3	34.0	1.0	7.4	6.3	7.0	6.1	35.0	
180	LẠI THỊ DỊU	Nữ	22/08/2006	T	K	T	TB	T	K	T	K	3	34.0	1.0	7.3	6.5	7.1	7.2	35.0	
181	H LORA BYĂ	Nữ	09/09/2006	T	TB	T	K	T	K	T	K	3	34.0	1.0	7.3	6.7	7.5	6.0	35.0	
182	Y' MIN - BYĂ	Nam	17/02/2006	T	K	T	K	T	TB	T	K	3	34.0	1.0	7.3	5.9	6.6	5.8	35.0	
183	LĂNG THỊ KIM YẾN	Nữ	14/06/2006	T	K	T	TB	T	K	T	K	3	34.0	1.0	7.2	6.0	6.8	8.1	35.0	

Stt	Họ	GT	Ngày sinh	HK6	HL6	HK7	HL7	HK8	HL8	HK9	HL9	Ưu tiên	Điểm HL,HK	Điểm UT	ĐTB	Toán	Văn	AV	Điểm XT	Ghi chú
184	VŨ THỊ MAI	Nữ	14/02/2006	T	K	T	TB	T	K	T	K	3	34.0	1.0	7.0	6.7	7.6	7.0	35.0	
185	H- YOAN NIÊ	Nữ	12/02/2006	T	TB	T	K	T	K	T	K	3	34.0	1.0	7.0	6.5	7.0	6.5	35.0	
186	Y' VŨ HẢO - NIÊ	Nam	02/07/2006	T	TB	T	K	T	K	T	K	3	34.0	1.0	7.0	6.8	6.7	6.2	35.0	
187	H' XI MAN - BYĂ	Nữ	22/05/2006	T	TB	T	K	T	K	T	K	3	34.0	1.0	7.0	7.3	6.1	6.2	35.0	
188	VŨ THỊ THẢO	Nữ	14/04/2006	T	G	T	K	T	TB	T	K		35.0		7.0	7.1	6.3	5.3	35.0	
189	HOÀNG VĂN THUẬN	Nam	22/10/2006	T	TB	T	K	T	K	T	K	3	34.0	1.0	6.9	6.0	6.3	7.2	35.0	
190	NGÔ THỊ THẢO NGUYÊN	Nữ	07/09/2006	T	K	T	K	T	K	K	K		35.0		6.9	6.4	6.5	6.4	35.0	
191	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	06/06/2006	T	TB	T	K	T	K	T	K	3	34.0	1.0	6.9	5.1	8.3	5.6	35.0	
192	TÔ THỊ HỒNG	Nữ	27/06/2006	T	TB	T	K	T	K	T	K	3	34.0	1.0	6.9	5.2	8.1	5.2	35.0	
193	NGUYỄN PHI LONG	Nam	26/01/2006	T	K	T	K	T	K	K	K		35.0		6.8	7.1	7.0	6.6	35.0	
194	H NHÂN NIÊ	Nữ	26/06/2006	T	K	T	K	T	TB	T	K	3	34.0	1.0	6.8	6.3	6.9	6.1	35.0	
195	LA THỊ QUỲNH HOA	Nữ	18/05/2006	T	K	T	K	T	K	T	TB	3	34.0	1.0	6.5	5.8	7.5	6.0	35.0	
196	HOÀNG THỊ ANH	Nữ	24/02/2006	T	K	T	K	T	TB	T	K	3	34.0	1.0	6.5	6.1	7.7	5.1	35.0	
197	ĐINH THỊ KIỀU	Nữ	17/02/2006	T	TB	T	K	T	K	T	K		34.0		7.9	6.9	8.0	7.1	34.0	
198	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU	Nữ	17/10/2006	T	K	T	TB	T	K	T	K		34.0		7.8	6.9	7.7	8.7	34.0	
199	LÊ HÀ MY	Nữ	20/11/2006	T	TB	T	K	T	K	T	K		34.0		7.8	6.4	7.3	7.4	34.0	
200	NGUYỄN VĂN HIẾU	Nam	20/10/2006	T	K	T	TB	T	K	T	K		34.0		7.7	8.0	7.8	6.8	34.0	
201	NGUYỄN THỊ YẾN	Nữ	10/08/2006	T	K	T	TB	T	K	T	K		34.0		7.7	6.7	7.9	7.8	34.0	
202	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	Nữ	03/11/2006	T	K	T	K	T	TB	T	K		34.0		7.7	7.3	7.3	7.7	34.0	
203	ĐOÀN THỊ YẾN NHI	Nữ	03/11/2006	T	TB	T	K	T	K	T	K		34.0		7.7	5.9	8.5	6.7	34.0	
204	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	02/04/2006	T	TB	T	K	T	K	T	K		34.0		7.6	6.4	8.5	6.5	34.0	
205	NGUYỄN CÔNG VƯỢNG	Nam	01/10/2006	T	TB	T	K	T	K	T	K		34.0		7.6	6.7	7.6	6.6	34.0	
206	LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	31/07/2006	T	K	T	TB	T	K	T	K		34.0		7.5	7.6	6.9	7.1	34.0	
207	NGUYỄN THANH KIỀU NGÂN	Nữ	09/11/2006	T	TB	T	K	T	K	T	K		34.0		7.5	6.0	7.8	6.4	34.0	
208	PHAN THỊ HẠNH	Nữ	12/03/2006	T	TB	T	K	T	K	T	K		34.0		7.3	7.6	6.8	7.9	34.0	
209	NÔNG SẦM ĐẠO	Nam	22/02/2006	T	TB	K	K	T	K	T	K	3	33.0	1.0	7.3	6.9	7.5	7.1	34.0	
210	NGUYỄN DUY THANH	Nam	24/04/2006	T	K	T	TB	T	K	T	K		34.0		7.2	7.1	6.8	6.2	34.0	
211	HOÀNG THỊ KIM NGÂN	Nữ	19/08/2006	T	K	T	K	K	TB	T	K	3	33.0	1.0	7.2	6.3	7.4	5.3	34.0	Tuyển thẳng
212	NGUYỄN THỊ MAI UYÊN	Nữ	20/02/2006	T	K	T	TB	T	K	T	K		34.0		7.1	6.9	6.9	7.3	34.0	
213	HUỲNH ĐÌNH NHIỆM	Nam	02/01/2005	T	TB	T	K	T	K	T	K		34.0		7.1	6.2	6.9	6.1	34.0	
214	DƯƠNG THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	16/03/2006	T	K	T	K	T	TB	T	K		34.0		7.0	7.1	6.8	7.2	34.0	
215	THẠCH TRUNG LAM	Nam	02/07/2006	T	K	T	TB	T	K	T	K		34.0		7.0	7.6	5.1	7.8	34.0	
216	LÊ VĂN CƠ	Nam	18/10/2006	T	K	T	TB	T	K	T	K		34.0		7.0	7.8	6.0	5.7	34.0	
217	DƯƠNG THỊ VINH	Nữ	09/05/2006	T	TB	T	K	T	K	T	K		34.0		7.0	5.5	6.9	5.7	34.0	
218	PHAN VĂN TRUNG	Nam	21/04/2006	T	K	T	TB	T	K	T	K		34.0		6.9	8.4	5.3	6.7	34.0	
219	VÕ HÀ VY	Nữ	01/10/2006	T	TB	T	K	T	K	T	K		34.0		6.9	6.2	6.8	6.0	34.0	
220	PHAN VĂN THUYẾT	Nam	08/03/2006	T	K	T	K	T	K	T	TB		34.0		6.9	5.6	6.2	6.1	34.0	

Stt	Họ	GT	Ngày sinh	HK6	HL6	HK7	HL7	HK8	HL8	HK9	HL9	Ưu tiên	Điểm HL,HK	Điểm UT	ĐTB	Toán	Văn	AV	Điểm XT	Ghi chú
221	PHAN HỮU GIA HƯNG	Nam	24/04/2006	T	K	T	TB	T	K	T	K		34.0		6.8	6.1	6.1	7.2	34.0	
222	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	05/07/2006	T	K	T	K	T	K	T	TB		34.0		6.8	6.2	5.7	7.4	34.0	
223	ĐỖ THỊ NGỌC LAN	Nữ	03/02/2006	T	K	T	K	T	TB	T	K		34.0		6.8	6.0	7.7	5.5	34.0	
224	VŨ NI NA	Nữ	22/10/2006	T	TB	T	K	T	K	T	K		34.0		6.8	5.5	7.3	5.4	34.0	
225	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	Nữ	01/04/2006	T	K	T	TB	T	K	T	K		34.0		6.7	5.8	7.0	6.1	34.0	
226	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	05/07/2006	T	K	T	K	T	TB	T	K		34.0		6.6	6.7	6.1	6.0	34.0	
227	LÊ THỊ THANH THẢO	Nữ	14/11/2006	T	K	T	K	T	TB	T	K		34.0		6.6	6.1	6.7	5.7	34.0	
228	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	20/07/2006	T	K	T	K	T	TB	T	K		34.0		6.6	6.7	5.8	5.4	34.0	
229	PHẠM ĐÌNH TUẤN VŨ	Nam	04/07/2006	T	K	T	K	T	K	T	TB		34.0		6.6	5.8	6.2	5.7	34.0	
230	NGUYỄN THỊ THANH LÂM	Nữ	18/10/2006	T	K	T	K	T	K	T	TB		34.0		6.6	5.4	5.8	6.3	34.0	
231	VŨ VIẾT MẠNH	Nam	21/03/2006	T	K	T	K	T	K	T	TB		34.0		6.6	6.1	6.0	5.1	34.0	
232	NGUYỄN DIỆU OANH	Nữ	12/07/2006	T	K	T	K	T	K	T	TB		34.0		6.3	6.6	6.6	7.0	34.0	
233	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHINH	Nữ	02/09/2006	T	K	T	K	T	K	T	TB		34.0		6.3	5.2	7.0	4.8	34.0	
234	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	Nữ	12/08/2006	T	K	T	K	T	K	T	TB		34.0		6.3	5.1	6.8	5.1	34.0	
235	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	10/02/2006	T	K	T	K	T	K	T	TB		34.0		6.3	5.2	6.7	4.7	34.0	
236	H' XUÂN - BYĂ	Nữ	27/01/2006	T	TB	T	K	T	TB	T	K	3	32.0	1.0	7.6	6.2	7.4	6.9	33.0	
237	LỤC QUỐC HUY	Nam	06/04/2006	T	TB	T	TB	T	K	T	K	3	32.0	1.0	7.5	7.7	7.5	7.4	33.0	
238	MÙA THỊ SUA	Nữ	02/05/2006	T	TB	T	TB	T	K	T	K	3	32.0	1.0	7.0	5.9	7.1	7.4	33.0	
239	H ĐANY NIÊ	Nữ	20/12/2006	T	TB	T	K	T	TB	T	K	3	32.0	1.0	7.0	6.1	8.1	5.9	33.0	
240	VI THỊ TRANG	Nữ	20/03/2006	T	TB	T	TB	T	K	T	K	3	32.0	1.0	7.0	6.7	6.5	6.3	33.0	
241	H: NGÂN BYĂ	Nữ	01/12/2005	T	TB	T	K	T	TB	T	K	3	32.0	1.0	7.0	5.5	6.8	6.7	33.0	
242	H' ĐIA - BYĂ	Nữ	21/06/2006	T	TB	T	K	T	TB	T	K	3	32.0	1.0	6.9	6.5	7.0	6.0	33.0	
243	H' JIL: NIÊ	Nữ	31/10/2006	T	TB	T	TB	T	K	T	K	3	32.0	1.0	6.9	6.1	6.8	6.0	33.0	
244	H' MLIM - BYĂ	Nữ	08/04/2006	T	TB	T	TB	T	K	T	K	3	32.0	1.0	6.7	5.1	6.5	5.9	33.0	
245	H BÔ RA NIÊ	Nữ	10/11/2006	T	TB	T	K	T	TB	T	K	3	32.0	1.0	6.6	5.7	7.6	6.6	33.0	
246	LÝ MÍ VẦN	Nam	24/10/2004	T	K	T	TB	T	TB	T	K	3	32.0	1.0	6.6	5.7	7.5	6.0	33.0	
247	TẠ HUY HOÀNG	Nam	21/11/2005	K	TB	T	K	T	K	T	K		33.0		6.5	5.1	7.2	6.5	33.0	
248	ĐẶNG VĂN HUY	Nam	06/11/2006	T	K	T	TB	T	TB	T	K	3	32.0	1.0	6.5	5.9	6.5	6.2	33.0	
249	H' MILAN - BYĂ	Nữ	07/04/2005	T	TB	T	K	T	TB	T	K	3	32.0	1.0	6.5	5.6	7.1	5.9	33.0	
250	ĐỖ THỊ THU HIỀN	Nữ	11/10/2005	T	K	T	K	T	TB	T	TB	3	32.0	1.0	6.4	5.4	6.8	6.5	33.0	
251	H SUN NI NIÊ	Nữ	19/06/2005	T	TB	T	K	T	K	T	TB	3	32.0	1.0	6.2	5.5	6.6	6.7	33.0	
252	NGUYỄN THỊ NGỌC HUỆ	Nữ	22/05/2006	T	TB	T	K	T	K	T	TB	3	32.0	1.0	6.2	5.7	6.3	6.7	33.0	
253	TRIỆU TRẦN HƯƠNG LY	Nữ	09/06/2006	T	TB	T	K	T	K	T	TB	3	32.0	1.0	6.2	5.0	7.0	6.5	33.0	
254	CHU TRUNG TUẤN	Nam	29/08/2006	T	K	T	K	T	TB	T	TB	3	32.0	1.0	6.2	5.2	6.7	5.4	33.0	
255	VŨ HOÀI KHÁNH THƯ	Nữ	19/02/2006	T	K	T	K	T	TB	T	TB	3	32.0	1.0	5.8	4.3	6.9	6.6	33.0	
256	MÔNG THỊ HUỆ	Nữ	29/06/2006	T	K	T	K	T	TB	T	TB	3	32.0	1.0	5.7	5.0	5.9	5.0	33.0	
257	LÊ THỊ MINH TRANG	Nữ	08/06/2006	T	TB	T	TB	T	K	T	K		32.0		7.4	7.0	7.0	6.8	32.0	

Stt	Họ	GT	Ngày sinh	HK6	HL6	HK7	HL7	HK8	HL8	HK9	HL9	Ưu tiên	Điểm HL,HK	Điểm UT	ĐTB	Toán	Văn	AV	Điểm XT	Ghi chú
258	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	07/07/2006	T	TB	T	TB	T	K	T	K		32.0		7.1	7.3	7.0	7.1	32.0	
259	TRẦN VĂN CHỈNH	Nam	13/10/2006	T	TB	K	TB	T	K	T	K	3	31.0	1.0	7.1	6.5	6.8	7.8	32.0	
260	PHAN VĂN ANH	Nam	24/04/2006	T	TB	T	TB	T	K	T	K		32.0		7.1	7.2	6.9	6.8	32.0	
261	TRẦN CÔNG ĐỨC	Nam	24/04/2005	T	TB	T	TB	T	K	T	K		32.0		7.1	6.6	5.7	7.2	32.0	
262	VŨ ĐÌNH KHẢI	Nam	16/10/2006	T	TB	T	TB	T	K	T	K		32.0		7.0	6.9	6.3	7.4	32.0	
263	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	Nữ	24/05/2006	T	TB	T	TB	T	K	T	K		32.0		6.9	6.1	6.6	6.5	32.0	
264	HOÀNG NHẬT DANH	Nam	26/08/2006	T	K	T	TB	T	TB	T	K		32.0		6.8	6.8	6.7	7.5	32.0	
265	NGUYỄN HỮU SƠN LÂM	Nam	17/08/2006	T	K	T	TB	T	TB	T	K		32.0		6.7	7.2	6.4	6.9	32.0	
266	HÀ VÕ QUỲNH CHI	Nữ	12/09/2006	T	K	T	K	T	TB	T	TB		32.0		6.7	6.3	6.3	6.9	32.0	
267	NGUYỄN THỊ THANH NGA	Nữ	24/02/2006	T	TB	T	TB	T	K	T	K		32.0		6.7	5.9	6.9	5.7	32.0	
268	NGUYỄN THỊ MAI	Nữ	08/03/2006	T	K	T	TB	T	K	T	TB		32.0		6.7	6.2	5.7	6.4	32.0	
269	DƯƠNG THỤY VI	Nữ	18/11/2006	T	TB	T	TB	T	K	T	K		32.0		6.6	5.7	7.2	5.6	32.0	
270	NGUYỄN QUỐC HIẾU	Nam	16/05/2006	T	K	T	TB	T	TB	T	K		32.0		6.5	6.4	6.3	7.2	32.0	
271	NGUYỄN QUỐC TRIỀU	Nam	25/05/2006	T	TB	T	K	T	TB	T	K		32.0		6.5	6.3	6.2	7.4	32.0	
272	NGUYỄN THỊ HỒNG	Nữ	03/01/2006	T	TB	T	TB	T	K	T	K		32.0		6.5	6.1	6.3	6.6	32.0	
273	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	19/04/2006	T	TB	T	K	T	K	T	TB		32.0		6.5	6.1	6.4	5.9	32.0	
274	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Nữ	05/08/2006	T	K	T	K	T	TB	T	TB		32.0		6.4	6.2	5.6	6.6	32.0	
275	HOÀNG NGUYỄN ÁNH THƯ	Nữ	07/12/2006	T	TB	T	K	T	K	T	TB		32.0		6.3	5.2	7.5	5.0	32.0	
276	ĐỖ MẠNH HÙNG	Nam	28/10/2006	T	K	T	K	T	TB	T	TB		32.0		6.2	5.9	6.2	6.2	32.0	
277	NGUYỄN THÚY HIỀN	Nữ	28/07/2006	T	K	T	K	T	TB	T	TB		32.0		6.2	5.3	6.9	5.9	32.0	
278	NGÔ VĂN QUANG	Nam	05/03/2006	T	K	T	K	T	TB	T	TB		32.0		6.2	6.1	6.5	5.1	32.0	
279	TRƯƠNG THÀNH ĐẠT	Nam	24/01/2006	T	K	T	K	T	TB	T	TB		32.0		6.1	6.4	5.2	6.4	32.0	
280	NGUYỄN VĂN MẠNH	Nam	06/08/2006	T	K	T	K	T	TB	T	TB		32.0		6.1	4.9	6.6	5.9	32.0	
281	ĐẶNG QUANG HUY	Nam	19/06/2006	T	K	T	K	T	TB	T	TB		32.0		6.0	6.3	5.4	5.6	32.0	
282	HOÀNG ANH VŨ	Nam	21/02/2006	T	K	T	K	T	TB	T	TB		32.0		6.0	5.3	6.0	4.9	32.0	
283	HOÀNG VĂN MẠNH	Nam	23/04/2005	T	TB	K	TB	T	K	T	K		31.0		7.7	7.4	7.7	6.7	31.0	
284	NGUYỄN HỮU TRỌNG	Nam	22/11/2006	T	TB	T	K	K	TB	T	K		31.0		7.4	6.6	7.0	6.4	31.0	
285	NGUYỄN MINH DUY	Nam	09/10/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	3	30.0	1.0	7.1	6.3	6.6	5.6	31.0	
286	NGUYỄN TRỌNG QUỐC	Nam	04/08/2006	T	K	K	TB	T	TB	T	K		31.0		7.0	6.8	6.5	6.4	31.0	
287	NGUYỄN VĂN VŨ	Nam	15/11/2006	T	TB	K	TB	T	K	T	K		31.0		7.0	6.2	7.2	5.3	31.0	
288	H' DOAN - KBUÔR	Nữ	20/07/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	3	30.0	1.0	7.0	5.2	7.6	5.9	31.0	
289	NỊNH ĐÌNH SANG	Nam	01/01/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	3	30.0	1.0	6.8	6.1	7.1	6.9	31.0	
290	TỔNG THỊ THANH THẢO	Nữ	27/08/2006	T	TB	T	TB	T	K	T	TB	3	30.0	1.0	6.7	6.6	6.5	7.2	31.0	
291	LÒ XUÂN CHIẾN	Nam	06/03/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	3	30.0	1.0	6.7	5.6	7.0	6.7	31.0	
292	LẠI THỊ XUÂN	Nữ	08/07/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	3	30.0	1.0	6.6	5.1	7.0	6.3	31.0	
293	H BLIN BYĂ	Nữ	29/05/2003	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	3	30.0	1.0	6.6	5.6	6.5	5.4	31.0	
294	MÙA A XÀ	Nam	13/03/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	3	30.0	1.0	6.5	5.6	6.7	6.6	31.0	

Stt	Họ	GT	Ngày sinh	HK6	HL6	HK7	HL7	HK8	HL8	HK9	HL9	Ưu tiên	Điểm HL,HK	Điểm UT	ĐTB	Toán	Văn	AV	Điểm XT	Ghi chú
295	H' NIÊM - BYĂ	Nữ	16/06/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	3	30.0	1.0	6.5	5.9	6.3	6.6	31.0	
296	H' ZÔ RIAM NIÊ	Nữ	11/10/2006	T	TB	T	K	T	TB	T	TB	3	30.0	1.0	6.5	5.4	6.8	5.8	31.0	
297	VƯƠNG THỊ HUYỀN	Nữ	21/05/2006	T	K	T	TB	T	TB	T	TB	3	30.0	1.0	6.3	5.5	7.3	6.0	31.0	
298	H SA REN BYĂ	Nữ	28/09/2005	T	TB	T	K	T	TB	T	TB	3	30.0	1.0	6.3	6.2	7.0	5.2	31.0	
299	SÙNG THỊ DUA	Nữ	06/08/2006	T	TB	T	TB	T	K	T	TB	3	30.0	1.0	6.3	5.4	6.5	6.3	31.0	
300	TRUNG THẾ PHONG	Nam	12/10/2006	T	K	T	TB	T	TB	T	TB	3	30.0	1.0	6.3	5.0	5.8	5.0	31.0	
301	H' DIÊL NIÊ	Nữ	25/06/2006	T	TB	T	K	T	TB	T	TB	3	30.0	1.0	6.1	5.2	6.5	5.7	31.0	
302	Y' RÔ ĐA MÍK BYĂ	Nam	12/10/2006	T	TB	T	K	T	TB	T	TB	3	30.0	1.0	6.1	5.1	6.1	6.0	31.0	
303	NGUYỄN TIẾN MẠNH	Nam	08/01/2006	T	K	T	TB	T	TB	T	TB	3	30.0	1.0	6.1	4.0	6.2	6.0	31.0	
304	H SUIL BYĂ	Nữ	26/07/2006	T	TB	T	K	T	TB	T	TB	3	30.0	1.0	6.0	5.1	6.3	5.9	31.0	
305	LÝ THỊ HỢP	Nữ	24/05/2006	T	TB	T	K	T	TB	T	TB	3	30.0	1.0	5.9	5.3	6.3	5.6	31.0	
306	H MI LI NIÊ	Nữ	17/07/2006	T	TB	T	TB	T	K	T	TB	3	30.0	1.0	5.8	5.3	5.7	5.8	31.0	
307	GIÁP THỊ TIẾP	Nữ	07/12/2006	T	TB	T	K	T	TB	T	TB	3	30.0	1.0	5.7	4.2	6.8	4.5	31.0	
308	HỒ TRỌNG PHÚC	Nam	01/08/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	K		30.0		7.3	7.0	7.2	6.3	30.0	
309	PHAN VĂN QUẢNG	Nam	24/10/2005	T	TB	T	TB	T	TB	T	K		30.0		7.2	6.5	6.4	7.1	30.0	
310	PHÙNG VĂN CƯỜNG	Nam	25/05/2006	T	TB	K	TB	T	TB	T	K	3	29.0	1.0	7.1	6.1	7.2	7.4	30.0	
311	NGUYỄN THẾ HÀ	Nam	02/03/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	K		30.0		6.9	7.6	7.4	5.2	30.0	
312	VÕ TRUNG HIẾU	Nam	08/06/2006	T	TB	T	K	K	K	K	TB		30.0		6.9	6.4	5.8	5.9	30.0	
313	BÙI VIỆT HOÀNG	Nam	14/09/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	K		30.0		6.8	7.3	5.4	8.7	30.0	
314	ĐÀO HOÀNG QUANG LÂM	Nam	24/01/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	K		30.0		6.8	6.2	6.8	5.7	30.0	
315	NGUYỄN VĂN TRUNG	Nam	17/07/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	K		30.0		6.8	7.5	5.4	5.6	30.0	
316	HỒNG NHƯ TUYẾT	Nữ	31/01/2006	T	TB	T	K	T	TB	T	TB		30.0		6.6	6.0	6.0	5.1	30.0	
317	VŨ ĐÌNH BIN	Nam	10/08/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	K		30.0		6.5	6.5	6.1	6.1	30.0	
318	PHẠM TUẤN HÙNG	Nam	02/01/2006	T	K	T	TB	T	TB	T	TB		30.0		6.4	6.0	6.7	7.5	30.0	
319	NGUYỄN ĐÌNH TÚ	Nam	03/03/2006	T	TB	T	TB	T	K	T	TB		30.0		6.4	7.2	6.0	6.1	30.0	
320	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	Nam	25/01/2006	T	K	T	TB	T	TB	T	TB		30.0		6.4	6.6	5.6	6.4	30.0	
321	NGUYỄN VĂN DŨNG	Nam	28/02/2006	T	K	T	TB	T	TB	T	TB		30.0		6.4	6.3	5.6	6.0	30.0	
322	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	Nam	06/02/2006	T	TB	T	K	T	TB	T	TB		30.0		6.4	6.8	4.1	6.3	30.0	
323	PHẠM MINH GIA BẢO	Nam	20/05/2006	T	TB	T	K	T	TB	T	TB		30.0		6.4	5.3	5.2	6.6	30.0	
324	BÙI THỊ HƯƠNG TRANG	Nữ	02/09/2006	T	TB	T	K	T	TB	T	TB		30.0		6.4	5.7	5.1	5.6	30.0	
325	ĐỖ ĐỨC NAM	Nam	28/02/2006	T	TB	T	K	T	TB	T	TB		30.0		6.3	5.0	6.0	5.2	30.0	
326	NGÔ THỊ HƯƠNG	Nữ	10/03/2005	T	TB	T	K	T	TB	T	TB		30.0		6.2	5.3	6.9	6.2	30.0	
327	NGUYỄN VĂN TÚ ANH	Nam	29/04/2006	T	TB	T	K	T	TB	T	TB		30.0		6.2	5.1	6.4	5.5	30.0	
328	TRẦN LÊ ĐỨC	Nam	12/09/2006	T	TB	T	K	T	TB	T	TB		30.0		5.8	6.2	5.5	5.1	30.0	
329	NGUYỄN THỊ HẰNG	Nữ	29/01/2006	T	K	T	TB	T	TB	T	TB		30.0		5.7	5.1	5.0	5.6	30.0	
330	NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG	Nam	30/09/2006	T	TB	T	K	T	TB	T	TB		30.0		5.4	4.2	5.9	5.3	30.0	
331	Y' SƠN - BYĂ	Nam	29/01/2006	T	TB	K	TB	K	TB	T	K	3	28.0	1.0	6.9	6.2	6.8	6.2	29.0	

Stt	Họ	GT	Ngày sinh	HK6	HL6	HK7	HL7	HK8	HL8	HK9	HL9	Ưu tiên	Điểm HL,HK	Điểm UT	ĐTB	Toán	Văn	AV	Điểm XT	Ghi chú
332	H JOAN - BYĂ	Nữ	26/03/2004	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.9	6.3	5.5	6.1	29.0	
333	NGUYỄN TRƯƠNG BẢO NHA	Nữ	21/12/2005	T	TB	K	TB	T	TB	T	K		29.0		6.8	6.8	6.3	6.7	29.0	
334	TRẦN MINH HIẾU	Nam	14/01/2006	T	TB	K	TB	T	TB	T	K		29.0		6.7	6.3	5.8	7.8	29.0	
335	LẠI VĂN NHẤT	Nam	11/09/2004	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.7	6.6	6.7	6.4	29.0	
336	H' MÁP - NIÊ	Nữ	01/10/2005	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.7	5.9	5.3	6.4	29.0	
337	HOÀNG PHÚC LỘC	Nam	30/10/2006	T	TB	K	TB	T	TB	T	K		29.0		6.6	5.8	5.3	6.9	29.0	
338	NGUYỄN QUỐC THẮNG	Nam	07/10/2006	K	TB	T	TB	T	TB	T	K		29.0		6.6	6.5	5.5	5.7	29.0	
339	LÊ MINH PHỤNG	Nam	14/01/2006	T	TB	T	K	T	TB	K	TB		29.0		6.6	5.3	6.2	5.9	29.0	
340	TRẦN THỊ LỊCH	Nữ	23/10/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.5	6.1	6.6	6.9	29.0	
341	LÝ THỊ QUỲNH	Nữ	01/02/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.5	6.1	6.4	6.9	29.0	
342	NGUYỄN THÀNH LUÂN	Nam	08/03/2006	T	TB	K	TB	T	TB	T	K		29.0		6.5	6.5	5.5	6.1	29.0	
343	Y' TÔLY - BYĂ	Nam	08/05/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.5	5.4	6.3	6.1	29.0	
344	HẦU MÍ DÌNH	Nam	26/08/2004	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.4	5.8	5.9	6.8	29.0	
345	H' NGOAN - NIÊ	Nữ	04/01/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.4	5.9	5.9	6.5	29.0	
346	LÝ MI LÌNH	Nam	05/02/2003	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.3	5.8	7.0	6.3	29.0	
347	ĐẶNG CHÍ ĐOÀN	Nam	08/12/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.3	5.8	6.6	6.4	29.0	
348	Y' DON BYĂ	Nam	09/10/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.3	6.6	5.7	5.6	29.0	
349	H' NGỦY - NIÊ	Nữ	08/09/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.3	5.8	5.8	5.8	29.0	
350	GIÁP THỊ THẢO VY	Nữ	06/11/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.3	5.0	6.3	5.3	29.0	
351	Y' YÔ RAN NIÊ	Nam	21/07/2005	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.3	5.2	5.4	5.9	29.0	
352	H HƯƠNG NIÊ	Nữ	03/12/2005	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.3	5.0	5.8	5.7	29.0	
353	Y' NA THOEL - BYĂ	Nam	11/02/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.2	6.2	6.4	5.1	29.0	
354	LÊ THỊ HOAN	Nữ	18/11/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.2	4.8	7.7	5.1	29.0	
355	NÔNG VĂN SƠN	Nam	09/05/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.2	5.1	6.3	5.8	29.0	
356	LÝ VĂN TRƯỜNG	Nam	15/05/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.2	5.4	5.9	5.9	29.0	
357	Y' KARIL - BYĂ	Nam	04/05/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.2	5.6	6.0	5.4	29.0	
358	HÀ THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	25/07/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.2	4.9	6.4	5.4	29.0	
359	HÀ NGUYÊN HẢI	Nam	21/10/2006	T	K	K	TB	T	TB	T	TB		29.0		6.2	5.4	5.4	4.7	29.0	
360	HÀ THỊ TÀI	Nữ	01/10/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.1	4.9	6.4	6.2	29.0	
361	ĐẶNG VĂN CHẮC	Nam	02/10/2005	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.1	5.9	5.5	6.1	29.0	
362	H ZÔ REN NIÊ	Nữ	05/08/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.1	5.2	6.0	6.1	29.0	
363	Y' HIẾU - BYĂ	Nam	10/05/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.1	5.1	5.3	5.7	29.0	
364	Y' NGŨM - NIÊ	Nam	24/03/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.1	5.4	5.0	5.7	29.0	
365	BÀN PHÚC TỊNH	Nam	15/03/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.0	6.1	5.8	5.7	29.0	
366	Y' TUYÊN NIÊ	Nam	01/03/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	6.0	5.3	5.8	5.5	29.0	
367	ĐỖ HUY HÙNG	Nam	31/07/2006	T	TB	T	K	K	TB	T	TB		29.0		5.9	5.5	6.5	6.1	29.0	
368	H' NHAN - KBUÔR	Nữ	17/05/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	5.9	5.4	5.3	5.8	29.0	

Stt	Họ	GT	Ngày sinh	HK6	HL6	HK7	HL7	HK8	HL8	HK9	HL9	Ưu tiên	Điểm HL,HK	Điểm UT	ĐTB	Toán	Văn	AV	Điểm XT	Ghi chú
369	CỨ MÝ KHÈ	Nam	28/11/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	5.9	5.1	6.6	4.5	29.0	
370	ĐÀM THỊ NHUNG	Nữ	06/10/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	5.9	5.0	5.6	5.5	29.0	
371	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	08/09/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	5.9	4.3	6.5	5.2	29.0	
372	H' PHÔN - BYĂ	Nữ	05/03/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	5.9	5.1	5.1	5.7	29.0	
373	LÝ THỊ MỸ UYÊN	Nữ	19/10/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	5.8	3.9	6.1	6.0	29.0	
374	PHẠM THỊ THU HIỀN	Nữ	28/12/2006	T	TB	T	K	T	TB	K	TB		29.0		5.8	4.5	6.5	4.0	29.0	
375	LÊ ANH TÚ	Nam	04/03/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	5.7	4.7	6.6	4.6	29.0	
376	LÝ VĂN YẾN	Nam	27/07/2004	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	28.0	1.0	5.6	5.3	5.8	4.8	29.0	
377	PHẠM THẾ VỸ	Nam	28/03/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.8	5.6	5.5	6.3	28.0	
378	NGUYỄN XUÂN HIẾU	Nam	25/10/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.7	7.5	6.4	7.2	28.0	
379	NGUYỄN QUỐC BẢO	Nam	02/11/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.7	6.0	5.4	6.4	28.0	
380	NGUYỄN NHẬT LONG	Nam	19/08/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.6	6.7	6.6	5.9	28.0	
381	NGUYỄN LĂNG BẮC	Nam	22/12/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.5	6.3	6.4	5.6	28.0	
382	PHẠM XUÂN ĐẠT	Nam	30/01/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.4	6.5	6.1	6.7	28.0	
383	LÊ HOÀNG PHÚC	Nam	19/10/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.4	6.9	5.9	6.5	28.0	
384	NGUYỄN HOÀI NAM	Nam	18/07/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.4	5.9	5.7	6.9	28.0	
385	NÔNG THỊ MỸ HẠNH	Nữ	09/11/2006	T	TB	T	TB	K	TB	T	TB	3	27.0	1.0	6.4	6.9	5.7	5.8	28.0	
386	NGUYỄN VĂN HƯNG	Nam	27/01/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.4	5.2	6.1	6.8	28.0	
387	NGUYỄN HOÀNG HIỆP	Nam	04/07/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.3	6.3	6.8	5.9	28.0	
388	NGÔ VĂN BẢO	Nam	17/10/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.3	6.1	6.1	6.4	28.0	
389	NGUYỄN HẢI BÌNH	Nữ	19/03/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.3	6.2	6.1	5.9	28.0	
390	NGUYỄN MINH NHẬT	Nam	06/02/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.3	6.8	5.5	5.2	28.0	
391	H' NEM - NIÊ KDĂM	Nữ	02/01/2006	K	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	27.0	1.0	6.3	5.5	6.8	5.2	28.0	
392	BÙI THỊ THU	Nữ	26/11/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.3	5.4	6.0	5.7	28.0	
393	NGUYỄN THỊ HOA	Nữ	25/09/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.2	5.9	7.3	6.2	28.0	
394	LÊ DOÃN HOÀNG	Nam	04/07/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.2	6.9	6.1	5.0	28.0	
395	NGUYỄN TRƯỜNG QUÂN	Nam	12/12/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.2	5.4	6.5	5.3	28.0	
396	CHU VĂN TRƯỜNG	Nam	01/06/2006	T	TB	K	TB	T	TB	T	TB	3	27.0	1.0	6.2	6.2	6.8	4.0	28.0	
397	NGUYỄN NGỌC LÂM	Nam	23/06/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.2	5.5	5.3	5.8	28.0	
398	NGUYỄN TRÍ NHẬT	Nam	21/05/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.2	6.0	5.4	4.2	28.0	
399	GIÀNG MÍ THỌ	Nam	01/01/2005	T	TB	K	TB	T	TB	T	TB	3	27.0	1.0	6.1	5.7	6.3	6.1	28.0	
400	MÃ QUỐC HƯNG	Nam	30/12/2006	K	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	27.0	1.0	6.1	6.2	5.9	5.9	28.0	
401	LÊ VĂN THẮNG	Nam	18/11/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.1	6.0	5.6	6.0	28.0	
402	VŨ THỊ THANH HẰNG	Nữ	08/11/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.1	5.9	6.3	4.5	28.0	
403	PHẠM NGỌC VŨ	Nam	29/01/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.1	6.0	6.5	3.9	28.0	
404	Y' NHIỆT BYĂ	Nam	27/01/2006	K	TB	T	TB	T	TB	T	TB	3	27.0	1.0	6.1	5.7	5.0	5.5	28.0	
405	PHAN THỊ THỦY	Nữ	19/07/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.1	4.7	6.1	4.4	28.0	

Stt	Họ	GT	Ngày sinh	HK6	HL6	HK7	HL7	HK8	HL8	HK9	HL9	Ưu tiên	Điểm HL,HK	Điểm UT	ĐTB	Toán	Văn	AV	Điểm XT	Ghi chú
406	HUỲNH THỊ XUÂN GIAO	Nữ	12/06/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.0	6.4	6.4	5.4	28.0	
407	TRẦN TUYẾT NHI	Nữ	09/05/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.0	6.1	5.9	4.7	28.0	
408	PHÙNG QUANG THANH	Nam	26/03/2006	T	TB	T	TB	K	TB	T	TB	3	27.0	1.0	6.0	5.0	5.7	6.0	28.0	
409	HỒ THỊ THÙY TRANG	Nữ	02/02/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.0	5.4	6.3	4.4	28.0	
410	LƯU QUỐC ANH	Nam	02/07/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		6.0	4.7	6.0	5.4	28.0	
411	NÔNG VŨ LONG	Nam	09/11/2006	T	TB	T	TB	T	TB	K	TB	3	27.0	1.0	5.9	5.7	5.9	6.1	28.0	
412	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	11/08/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		5.9	4.8	6.4	5.9	28.0	
413	LÊ THỊ NHUNG	Nữ	25/11/2005	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		5.9	5.0	6.2	5.6	28.0	
414	NGUYỄN HOÀNG SƠN	Nam	12/06/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		5.9	5.0	5.8	5.7	28.0	
415	HỒ THỊ MAI LINH	Nữ	02/02/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		5.9	4.8	5.1	5.1	28.0	
416	TRẦN CÔNG MINH	Nam	26/10/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		5.8	5.1	5.0	5.2	28.0	
417	ĐẶNG HOÀNG HIỆP	Nam	01/11/2006	T	TB	T	TB	K	TB	T	TB	3	27.0	1.0	5.6	5.8	6.5	5.1	28.0	
418	H JUÔL NIÊ	Nữ	17/12/2006	T	TB	T	TB	K	TB	T	TB	3	27.0	1.0	5.6	5.1	5.6	5.3	28.0	
419	ĐẶNG VĂN HIẾU	Nam	24/08/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		5.6	5.0	5.6	5.3	28.0	
420	NGÔ QUANG TRƯỜNG	Nam	18/11/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		5.5	4.3	5.9	6.0	28.0	
421	Y CHINH NIÊ	Nam	02/10/2006	T	TB	T	TB	K	TB	T	TB	3	27.0	1.0	5.5	5.3	5.0	5.0	28.0	
422	PHẠM THỊ CHÂU	Nữ	22/12/2006	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB		28.0		5.1	3.8	5.9	3.5	28.0	
423	PHAN THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	03/12/2005	T	TB	T	TB	K	TB	T	TB		27.0		6.8	6.0	6.7	6.3	27.0	
424	ĐẶNG VĂN ĐỨC	Nam	02/11/2006	K	TB	T	TB	T	TB	T	TB		27.0		6.4	6.9	5.7	7.0	27.0	
425	NGÔ THỊ NGỌC HUẾ	Nữ	13/12/2006	T	TB	T	TB	K	TB	T	TB		27.0		6.4	5.0	7.3	6.6	27.0	
426	NGUYỄN VŨ LÂM THUẬN	Nam	03/03/2006	T	TB	K	TB	T	TB	T	TB		27.0		6.4	7.1	5.9	5.8	27.0	
427	TRƯƠNG THÀNH ĐẠT	Nam	11/12/2006	T	TB	T	TB	K	TB	T	TB		27.0		6.4	5.4	6.1	6.1	27.0	
428	NGUYỄN ĐỖ MINH KHANG	Nam	05/09/2006	T	TB	T	TB	T	TB	K	TB		27.0		6.3	4.8	6.1	6.6	27.0	
429	HOÀNG VĂN THÀNH	Nam	13/04/2006	T	TB	K	TB	T	TB	K	TB	3	26.0	1.0	6.2	5.9	7.1	5.9	27.0	
430	NGUYỄN TIẾN VIỆT CƯỜNG	Nam	18/02/2006	K	TB	T	TB	T	TB	T	TB		27.0		6.2	5.9	5.8	5.9	27.0	
431	Y' DUNE - NIÊ	Nam	20/06/2006	T	TB	K	TB	K	TB	T	TB	3	26.0	1.0	6.2	6.4	5.5	5.5	27.0	
432	NGUYỄN DUY PHONG	Nam	28/02/2005	T	TB	T	TB	T	TB	K	TB		27.0		6.2	5.1	5.9	6.0	27.0	
433	NGUYỄN VĂN PHÚC	Nam	25/12/2005	K	TB	T	TB	T	TB	T	TB		27.0		6.2	5.6	5.7	5.2	27.0	
434	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	03/07/2006	T	TB	T	TB	K	TB	T	TB		27.0		6.2	5.2	5.6	5.6	27.0	
435	NGUYỄN THỊ THẢO NHƯ	Nữ	19/11/2006	T	TB	K	TB	T	TB	T	TB		27.0		6.2	5.1	5.7	5.5	27.0	
436	TRẦN QUANG TRUNG	Nam	22/01/2006	K	TB	T	TB	T	TB	T	TB		27.0		6.1	6.4	6.0	6.8	27.0	
437	ĐẶNG NGỌC CHÂU	Nam	19/08/2006	T	TB	K	TB	T	TB	T	TB		27.0		6.1	6.3	6.0	5.3	27.0	
438	NGUYỄN VĂN BẢO	Nam	07/03/2006	T	TB	K	TB	T	TB	T	TB		27.0		6.1	5.5	5.7	6.2	27.0	
439	TRẦN THỊ DUNG	Nữ	24/10/2006	T	TB	K	TB	T	TB	T	TB		27.0		6.1	4.8	5.8	4.8	27.0	
440	NGUYỄN DUY KHIÊM	Nam	17/09/2006	T	TB	K	TB	T	TB	T	TB		27.0		6.0	5.8	5.7	5.8	27.0	
441	NGUYỄN ĐẮC DƯƠNG	Nam	29/09/2006	T	TB	K	TB	T	TB	T	TB		27.0		6.0	5.0	5.8	5.9	27.0	
442	ĐỖ MINH QUANG	Nam	29/12/2005	T	TB	T	TB	K	TB	T	TB		27.0		6.0	4.5	6.8	5.3	27.0	

Stt	Họ	GT	Ngày sinh	HK6	HL6	HK7	HL7	HK8	HL8	HK9	HL9	Ưu tiên	Điểm HL,HK	Điểm UT	ĐTB	Toán	Văn	AV	Điểm XT	Ghi chú
443	TRẦN CÔNG CHÍNH	Nam	20/05/2006	K	TB	T	TB	T	TB	K	TB	3	26.0	1.0	6.0	5.7	5.6	3.9	27.0	Tuyển thẳng
444	ĐẶNG ĐÌNH HÀ NINH	Nam	19/08/2006	K	TB	T	TB	T	TB	T	TB		27.0		5.9	6.2	5.0	5.5	27.0	
445	VŨ THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	05/06/2005	T	TB	T	TB	K	TB	T	TB		27.0		5.8	5.5	5.3	6.0	27.0	
446	PHAN CÔNG NGỌC	Nam	25/08/2006	T	TB	K	TB	T	TB	T	TB		27.0		5.8	6.0	5.1	5.0	27.0	
447	NÔNG QUỐC TUẤN	Nam	08/08/2006	T	TB	K	TB	K	TB	T	TB	3	26.0	1.0	5.7	5.4	5.5	5.2	27.0	
448	ĐỖ MINH NGUYÊN	Nam	31/03/2006	T	TB	K	TB	T	TB	T	TB		27.0		5.6	5.7	5.1	4.8	27.0	
449	HOÀNG THỊ HỒNG	Nữ	11/02/2006	T	TB	K	TB	T	TB	T	TB		27.0		5.6	5.6	6.2	3.7	27.0	
450	LA HOÀNG ANH DŨNG	Nam	08/11/2006	T	TB	T	TB	K	TB	T	TB		27.0		5.6	4.2	5.2	5.4	27.0	
451	H' ZA LI BYĂ	Nữ	04/11/2004	K	TB	T	TB	K	TB	T	TB	3	26.0	1.0	5.5	5.0	5.9	5.8	27.0	
452	Y SORY AYUŇ	Nam	26/03/2006	K	TB	K	TB	T	TB	T	TB	3	26.0	1.0	5.5	5.0	5.7	5.5	27.0	
453	BÀN TÀI PHÚ	Nam	10/01/2006	K	TB	T	TB	K	TB	T	TB	3	26.0	1.0	5.4	5.1	5.1	5.1	27.0	
454	Y THO VEN NIÊ	Nam	24/10/2006	T	TB	K	TB	T	TB	K	TB	3	26.0	1.0	5.4	5.9	3.9	5.0	27.0	
455	TRẦN ĐỨC DUY	Nam	22/05/2006	T	TB	K	TB	K	TB	T	TB	3	26.0	1.0	5.3	5.2	5.8	5.5	27.0	
456	Y NGAN BKRÔNG	Nam	25/12/2006	T	TB	K	TB	K	TB	T	TB	3	26.0	1.0	5.3	6.0	5.0	5.0	27.0	
457	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	Nam	19/10/2006	T	TB	T	TB	T	TB	K	TB		27.0		5.3	4.2	6.0	5.0	27.0	
458	TRẦN NGỌC MINH PHƯƠNG	Nam	10/03/2005	T	TB	T	TB	K	TB	T	TB		27.0		5.3	4.1	5.0	6.0	27.0	
459	NGUYỄN VĂN HẢI	Nam	14/07/2006	T	TB	T	TB	K	TB	K	TB	3	26.0	1.0	5.3	3.9	6.0	4.8	27.0	
460	Y RÔNÊ BYĂ	Nam	30/09/2006	K	TB	K	TB	T	TB	T	TB	3	26.0	1.0	5.2	5.2	4.8	5.1	27.0	
461	TRƯƠNG VĂN CHIẾN	Nam	08/03/2006	T	TB	T	TB	K	TB	T	TB		27.0		5.1	4.0	6.1	5.5	27.0	
462	HÀ QUANG LÊ	Nam	20/06/2006	T	TB	K	TB	K	TB	T	TB	3	26.0	1.0	5.1	4.1	5.6	3.9	27.0	
463	NGUYỄN HỮU ĐẠI	Nam	27/03/2006	K	TB	K	TB	T	TB	T	TB		26.0		6.3	6.0	6.2	6.7	26.0	
464	NGUYỄN HUỲNH NHƯ	Nữ	21/07/2005	T	TB	T	TB	K	TB	K	TB		26.0		6.3	6.6	5.5	5.3	26.0	
465	ĐẶNG CÔNG ĐỨC	Nam	20/02/2006	K	TB	K	TB	T	TB	T	TB		26.0		6.2	6.3	5.6	4.9	26.0	
466	NGUYỄN THỊ ĐÀO	Nữ	26/01/2006	K	TB	K	TB	T	TB	T	TB		26.0		6.2	5.1	5.4	5.9	26.0	
467	TRẦN HỮU BÍNH	Nam	06/10/2006	T	TB	K	TB	K	TB	T	TB		26.0		5.9	4.5	5.0	5.2	26.0	
468	NGUYỄN HOÀNG MINH QUÝ	Nam	11/08/2006	K	TB	K	TB	T	TB	T	TB		26.0		5.8	6.3	5.1	4.8	26.0	
469	LÊ VĂN TUẤN	Nam	03/01/2006	K	TB	K	TB	T	TB	T	TB		26.0		5.8	5.3	5.0	5.4	26.0	
470	TRƯƠNG MẠNH DUY	Nam	14/11/2006	T	TB	K	TB	T	TB	K	TB		26.0		5.8	4.3	5.5	5.2	26.0	
471	NGUYỄN BẮC HÙNG	Nam	14/01/2006	T	TB	K	TB	K	TB	T	TB		26.0		5.7	5.1	5.5	5.8	26.0	
472	LÊ VĂN ĐẠT	Nam	16/03/2006	T	TB	K	TB	T	TB	K	TB		26.0		5.6	5.5	5.2	5.5	26.0	
473	BÙI ĐỨC ĐỒNG	Nam	26/03/2006	K	TB	K	TB	T	TB	T	TB		26.0		5.5	6.0	3.6	5.6	26.0	
474	ĐỖ NGỌC HOÀNG NGUYÊN	Nam	21/10/2006	K	TB	T	TB	K	TB	T	TB		26.0		5.4	5.1	5.7	3.9	26.0	
475	NGUYỄN TRỌNG TẤN	Nam	23/08/2006	K	TB	K	TB	T	TB	T	TB		26.0		5.3	5.4	5.1	3.7	26.0	
476	LÊ QUANG DŨNG	Nam	27/09/2006	T	TB	T	TB	K	TB	K	TB		26.0		5.2	4.4	5.0	4.0	26.0	
477	Y ZA BEN NIÊ	Nam	29/12/2006	K	TB	K	TB	T	TB	K	TB	3	25.0	1.0	5.1	5.6	4.4	5.1	26.0	
478	MAI HỮU LỘC	Nam	11/10/2005	K	TB	K	TB	T	TB	K	TB		25.0		6.4	5.6	5.6	5.7	25.0	
479	NGUYỄN DOÃN AN	Nam	12/12/2006	K	TB	K	TB	K	TB	T	TB		25.0		6.0	5.2	5.8	5.1	25.0	

Stt	Họ	GT	Ngày sinh	HK6	HL6	HK7	HL7	HK8	HL8	HK9	HL9	Ưu tiên	Điểm HL,HK	Điểm UT	ĐTB	Toán	Văn	AV	Điểm XT	Ghi chú
480	NGUYỄN VĂN NGUYÊN	Nam	10/04/2006	T	TB	K	TB	K	TB	K	TB		25.0		5.9	6.2	5.1	5.9	25.0	
481	Y' HẠO - BYĂ	Nam	29/09/2006	K	TB	K	TB	K	TB	K	TB	3	24.0	1.0	5.9	5.0	5.7	5.1	25.0	
482	MAI VĂN THẮNG	Nam	07/07/2006	K	TB	K	TB	K	TB	T	TB		25.0		5.7	5.7	5.1	4.6	25.0	
483	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	01/10/2006	K	TB	K	TB	T	TB	K	TB		25.0		5.6	4.6	5.1	5.5	25.0	
484	Y' THIỆP - BYĂ	Nam	29/01/2006	K	TB	K	TB	K	TB	K	TB	3	24.0	1.0	5.5	6.3	4.7	5.4	25.0	
485	PHẠM NGỌC THÀNH ĐẠT	Nam	07/09/2004	TB	TB	TB	TB	T	TB	T	TB		24.0		5.8	6.3	5.0	4.9	24.0	
486	LÊ THỊ LINH HƯƠNG	Nữ	14/11/2006	T	TB	K	TB	K	TB	TB	TB		24.0		5.6	3.6	6.0	5.7	24.0	
487	BÙI XUÂN HOÀNG	Nam	20/11/2006	TB	TB	K	TB	K	TB	T	TB		24.0		5.6	5.7	4.7	4.4	24.0	
488	PHAN NGUYỄN NGỌC TÚ	Nam	18/09/2005	K	TB	K	TB	K	TB	K	TB		24.0		5.5	5.9	5.1	5.3	24.0	